TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2020/QĐST - HNGĐ	*Đồng Hỷ, ngày 08 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 264/2019/TLST/HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Tạ Vĩnh H, sinh năm 1969

Địa chỉ: Cục CT, Quân khu X - Trụ sở: xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN

- Bị đơn: Chị Lê Linh G, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Xóm HTh, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Tạ Vĩnh H và chị Lê Linh G.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ **Về quan hệ hôn nhân**: Anh Tạ Vĩnh H và chị Lê Linh G thuận tình ly hôn.

+ **Về con chung**: Anh H và chị G có 02 con chung là Tạ Lê Vĩnh Hh, sinh ngày 31/7/2003 và Tạ Vĩnh Gia Hg, sinh ngày 21/10/2018. Các đương sự thống

nhất: Chị G trực tiếp nuôi hai con chung là Tạ Lê Vĩnh Hh và Tạ Vĩnh Gia Hg cho đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Anh H cấp dưỡng nuôi cháu Tạ Lê Vĩnh Hh mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), kể từ tháng 01/2020 cho đến khi cháu Hh thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Trường hợp anh H chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, các bên đương sự tự thỏa thuận về việc tính lãi suất. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật, chị G có đơn yêu cầu thi hành, nếu anh H chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Mức lãi suất do các đương sự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20% năm của khoản tiền chậm thi hành. Trường hợp không thỏa thuận được thì lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

+ **Tài sản chung**: Đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ **Nợ chung** Hai bên đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ **Về án phí**: Anh Tạ Vĩnh H tự nguyện nộp toàn bộ số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016519 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND phường GS, Tp TN;
- Lưu hồ sơ vụ án, bộ phận HNGĐ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Vũ Thị An